



KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

Nguyễn Thị Thu Phương¹

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về kinh tế xanh và kiểm soát nội bộ, đồng thời làm rõ các đặc trưng cơ bản của doanh nghiệp chế biến thủy sản. Trên cơ sở đó chỉ ra đặc trưng của hoạt động kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp chế biến thủy sản và làm rõ vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản theo hướng phát triển kinh tế xanh, hướng tới phát triển bền vững.

Từ khóa: Kinh tế xanh, kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp chế biến thủy sản.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế mang tính chất toàn cầu, các nhà quản lý có xu hướng tập trung nghiên cứu nhiều hơn đến các vấn đề cơ sở lý luận về quản lý để tìm hướng phát triển một cách bền vững cho doanh nghiệp mình. Kiểm soát nội bộ với vai trò đảm bảo cho các nhà quản lý đạt được mục tiêu của họ, thúc đẩy tính hiệu quả của quá trình kinh doanh, giảm thiểu tác động hoặc khả năng xảy ra rủi ro, và ngăn chặn nguy cơ mất giá trị của doanh nghiệp thì đây thật sự là một công cụ quản lý hữu hiệu mà các nhà quản lý có thể tin tưởng áp dụng. Mỗi doanh nghiệp có phương châm kinh doanh của mình, có đặc thù riêng trong công tác quản lý, tuy nhiên để có thể phát triển bền vững thì doanh nghiệp không thể tách mình ra khỏi xã hội, phải thể hiện được trách nhiệm của mình đối với xã hội. Đây là vấn đề mang tính sống còn đối với sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Thuật ngữ “Kinh tế xanh” chỉ mới được thế giới công nhận từ năm 2008 nhưng mô hình phát triển kinh tế này đã nhận được sự hưởng ứng, đồng thuận của nhiều quốc gia phát triển cũng như đang phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, làm sao để đạt được sự phát triển bền vững này vẫn là vấn đề trăn trở đối với các nhà quản lý kinh tế nói riêng và các nhà quản lý nói chung. Với các đặc trưng cơ bản của doanh nghiệp chế biến thủy sản, ngành công nghiệp chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi các yếu tố môi trường nhưng đồng thời cũng có những tác động không nhỏ đến môi trường thì vấn đề kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp như thế nào để đảm bảo mục tiêu nhưng cũng không ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng, của đất nước và của cả nhân loại là một yêu cầu tất yếu. Chính vì vậy, tác giả dựa trên nghiên cứu cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ, về kinh tế xanh, đặc trưng của hoạt động kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản để khẳng định vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc giúp doanh nghiệp phát triển hướng đến kinh tế xanh theo hướng phát triển bền vững, mang lại hạnh phúc cho con người, công bằng xã hội, giảm thiểu rủi ro môi trường và khủng hoảng sinh thái trong khu vực.

¹ Giảng viên khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức



2. NỘI DUNG

2.1 Các vấn đề nội hàm về kiểm soát nội bộ

2.1.1 Khái niệm về kiểm soát nội bộ

Khái niệm về kiểm soát nội bộ kể từ lần đầu tiên được Viện Kế toán công Hoa Kỳ đề cập năm 1949 đến nay hầu như không có thay đổi đáng kể về ý nghĩa trong các tuyên bố mang tính chuyên nghiệp của các chuyên gia, mặc dù thực tế đã có nhiều thay đổi lớn về hoạt động kiểm soát nội bộ được tiến hành trong từng thời kỳ khủng hoảng từ những năm 1980, 1990 đến thập kỷ đầu của thế kỷ 21 [9].

Vào đầu những năm 1990, trước thực tế khủng hoảng phá sản hàng loạt xảy ra với các công ty của Hoa Kỳ mà nguyên nhân chủ yếu là do sự yếu kém trong vấn đề quản trị doanh nghiệp, một ủy ban được thành lập trên cơ sở các tổ chức nghề nghiệp lớn như Hiệp hội Kế toán viên công chứng Hoa Kỳ (AICPA), Hiệp hội Kiểm toán viên nội bộ (IIA), Hiệp hội Kế toán Hoa Kỳ (AAA), Hiệp hội Kế toán viên quản trị (IMA) với mục đích nghiên cứu, thống nhất định nghĩa về kiểm soát nội bộ. Ủy ban này được gọi dưới tên Ủy ban các tổ chức tài trợ (COSO). COSO đã đưa ra được một khái niệm khá toàn diện về kiểm soát nội bộ.

“Kiểm soát nội bộ là quá trình do người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị chi phối, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm thực hiện các mục tiêu: đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo sự tuân thủ các quy định và luật lệ, đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả” [5].

Tại Vương quốc Anh, Hiệp hội Kiểm toán nội bộ cũng giới thiệu một vài quan điểm của họ về kiểm soát nội bộ và quan điểm mới nhất được công bố năm 2009 cho rằng “Kiểm soát nội bộ là một phần của hoạt động quản lý. Đây là hoạt động được thực hiện bởi các nhà quản lý nhằm lập kế hoạch, tổ chức và trực tiếp tiến hành các hoạt động nhằm cung cấp một sự đảm bảo thích hợp về khả năng hoàn thành các mục tiêu sau:

- Khả năng hoàn thành các mục tiêu đã được thiết lập;
 - Tính kinh tế và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực;
 - Đảm bảo sự an toàn cho các nguồn lực;
 - Đảm bảo độ trung thực và đáng tin cậy của thông tin;
 - Tuân thủ các chính sách, quy trình, luật lệ và các quy định”
- [3].

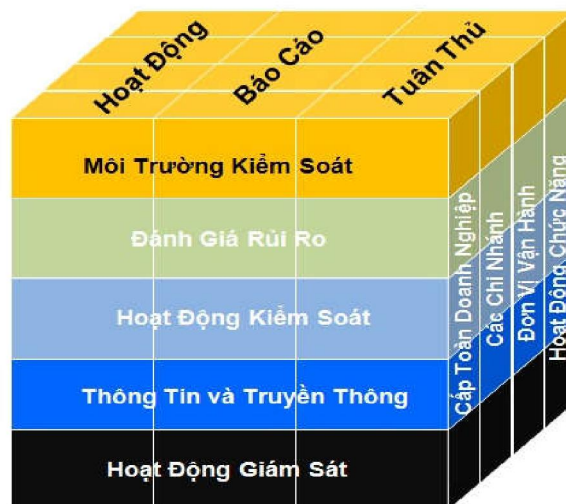
Mặc dù có nhiều các quan điểm và định nghĩa khác nhau được nêu ra về kiểm soát nội bộ nhưng các quan điểm đều thống nhất ở điểm chung về sự cần thiết phải sử dụng kiểm soát nội bộ như một công cụ quản lý hữu hiệu giúp doanh nghiệp đạt được các mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu khả năng và mức độ ảnh hưởng của rủi ro cũng như nguy cơ suy giảm giá trị của doanh nghiệp

2.1.2 Các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ

Theo mô hình kiểm soát nội bộ của COSO, hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp bao gồm năm thành phần là: môi trường kiểm soát, hoạt động đánh giá rủi ro của

doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát, các hoạt động thông tin và truyền thông, các hoạt động giám sát.

Hình 1. Mô hình COSO về kiểm soát nội bộ



(Nguồn: COSO Framework (2013), www.coso.org)

COSO cũng đưa ra các lý giải liên quan đến các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:

Thứ nhất, môi trường kiểm soát

Đây là nền tảng chính của hoạt động kiểm soát nội bộ theo mô hình COSO. Đây chính là nơi các giá trị của tổ chức được thiết lập, là nơi văn hóa của tổ chức được xây dựng và làm nền tảng cho mọi hoạt động kiểm soát trong đơn vị. Các nhân tố của môi trường kiểm soát bao gồm: tính trực và giá trị đạo đức của các nhà quản lý, triết lý và phong cách điều hành, cơ cấu tổ chức và chính sách nhân sự được sử dụng. Hoạt động kiểm soát nội bộ có được triển khai tốt hay không phụ thuộc chủ yếu vào nền tảng này và có thể nói đây là thành phần quan trọng nhất để tạo lập một nền tảng vững chắc cho hoạt động kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

Thứ hai, hoạt động đánh giá rủi ro

Mọi tổ chức công hay tư, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận hay phi lợi nhuận đều phải đối mặt với rất nhiều rủi ro đến từ nguồn bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá rủi ro bao gồm từ việc nhận diện rủi ro, ước lượng tầm quan trọng và đánh giá khả năng hoặc tần suất có thể xảy ra của rủi ro để từ đó đưa ra các quyết định để quản lý rủi ro một cách phù hợp. Các nhà quản lý không thể kiểm soát được tổ chức nếu không đánh giá được đúng khả năng và mức độ ảnh hưởng của các rủi ro đến mục tiêu của tổ chức.

Thứ ba, các hoạt động kiểm soát

Đây là các chính sách và các thủ tục được triển khai nhằm đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến khả năng đạt được mục tiêu của tổ chức. Các hoạt động kiểm soát này có thể được thực hiện ở toàn bộ các cấp của tổ chức từ khâu xét duyệt, kiểm tra, giám sát, phân quyền, phân cấp các nhiệm vụ trong tổ chức.



Thứ tư, thông tin và truyền thông

Việc duy trì một hệ thống thông tin và truyền thông hiệu quả có ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kiểm soát nội bộ. Thông tin rất đa dạng bao gồm thông tin tài chính và thông tin phi tài chính, thông tin đến từ nguồn bên trong doanh nghiệp và thông tin đến từ nguồn bên ngoài doanh nghiệp. Một hệ thống truyền tin hiệu quả phải đảm bảo cho mọi thành viên trong tổ chức hiểu rõ công việc và trách nhiệm của mình, tiếp nhận đầy đủ và chính xác các chỉ thị từ cấp trên, cũng như hiểu rõ thông điệp được truyền tải giữa các bộ phận chức năng. Đồng thời, để có thể kiểm soát và ra các quyết định quản lý kịp thời, phù hợp, các thông tin đến từ nguồn bên ngoài doanh nghiệp cũng phải được tiếp nhận và phản ánh một cách trung thực, đầy đủ, kịp thời và đáng tin cậy.

Thứ năm, giám sát

Đây là thành phần quan trọng cuối cùng của mô hình. Hoạt động giám sát là quá trình mà các nhà quản lý đánh giá chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định kiểm soát nội bộ có vận hành đúng như thiết kế hay không để có biện pháp điều chỉnh, sửa đổi phù hợp.

Như vậy, mô hình kiểm soát nội bộ của COSO đã chỉ ra hướng mà một tổ chức có thể áp dụng để xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ tại tổ chức của mình. Theo đó hệ thống kiểm soát có thể được xây dựng từ dưới lên (bắt đầu từ môi trường kiểm soát mang tính nền tảng) nhưng cũng phải được đánh giá và quản lý, giám sát từ trên xuống thông qua việc vận hành một hệ thống thu nhận và truyền tin hiệu quả [4].

Lý luận cơ bản về Kinh tế xanh

Với mục đích giới thiệu các quan điểm khai thác, sử dụng nguồn lực, tài nguyên phục vụ cho sự phát triển của nhân loại, tác giả D. Burningham đã giới thiệu hệ thống các quan điểm phát triển kinh tế như sau:

Mô hình kinh tế	Quan điểm về môi trường
Kinh tế nâu	- Mọi tài sản đều có thể thay thế (cả tự nhiên và nhân tạo) - Lợi ích do khoa học và công nghệ tạo ra được hiện thân trong của cải do con người làm ra có thể bù đắp được sự mất mát của cải tự nhiên. - Khoa học kỹ thuật có thể giải quyết được các vấn đề khó khăn của môi trường - Phát triển kinh tế tự do, không giới hạn là cách tốt nhất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.
Kinh tế xanh	- Sự thay thế của các tài sản là không thể - Mọi hệ sinh thái đều phải được bảo tồn - Thiên nhiên là bất khả xâm phạm - tất cả các tài sản của môi trường đều mang giá trị tâm linh quan trọng.

(Nguồn: D. Burningham, J.Davie (1999), *Kinh tế xanh*, trang 43)



Trong cuốn sách *Kinh tế môi trường* do Nhà xuất bản Mittal phát hành năm 2007, khái niệm Kinh tế xanh được đề cập là “*nền kinh tế tập trung trực tiếp sự quan tâm vào điểm gặp gỡ giữa nhu cầu của con người và đòi hỏi của môi trường*”. Nói cách khác, trong khái niệm này chỉ ra rằng một nền kinh tế xanh là nền kinh tế quan tâm đến nhu cầu của con người nhưng cũng quan tâm đến các yêu cầu của môi trường. Nền kinh tế phát triển trên điểm giao thoa hài hòa giữa các mục tiêu này chính là nền kinh tế mà chúng ta đang hướng tới. Cuốn sách cũng chỉ rõ, việc phát triển nền Kinh tế xanh là một tất yếu dựa trên 3 tiền đề chính:

Mở rộng mãi từ một không gian hữu hạn là điều không thể;

Khai thác mãi từ một không gian hữu hạn là điều không thể;

Mọi thứ trên bề mặt Trái đất đều có mối quan hệ qua lại với nhau [10].

Theo Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc (UNEP), Kinh tế xanh “*là nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái*”. Đây cũng chính là các yếu tố để hướng tới phát triển bền vững “*sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại nhưng cũng không ảnh hưởng đến nhu cầu của các thế hệ tương lai*”. Chúng ta không thể phát triển bền vững nếu không có bình đẳng xã hội và không thể quản lý hợp lý các nguồn tài nguyên cho các thế hệ sau [3].

2.3 Đặc trưng của doanh nghiệp chế biến thủy sản

Theo quan điểm của FAO (Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hiệp quốc), chế biến thủy sản “*quá trình được khởi đầu bằng các kỹ thuật bảo quản nhằm duy trì chất lượng và kéo dài sự tươi mới của nguyên liệu. Nó cũng liên quan đến việc tạo ra giá trị gia tăng trong quá trình sản xuất của nhiều loại sản phẩm khác nhau*”. Cũng tiếp tục phân tích, FAO cho rằng hoạt động chế biến thủy sản có thể được coi là quá trình xử lý cá và các loại thủy sản khác bằng các phương pháp vật lý hoặc hóa học như làm lạnh, đóng băng đông lạnh, hấp, ướp, xông khói, rán, đóng hộp... không phụ thuộc vào loại sản phẩm, hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp chế biến thủy sản cần phải được tiến hành trong suốt quá trình chế biến kể từ giai đoạn bảo quản nguyên liệu đầu vào, đến giai đoạn chế biến, đóng gói và mang đi phân phối. Hơn nữa, hiệu quả của hoạt động kiểm soát còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sự hợp lý và đầy đủ của các chính sách, năng lực nguồn nhân lực của doanh nghiệp [8]. Vì vậy, việc nắm rõ đặc trưng của doanh nghiệp chế biến thủy sản là thật sự cần thiết nếu muốn nâng cao chất lượng hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này.

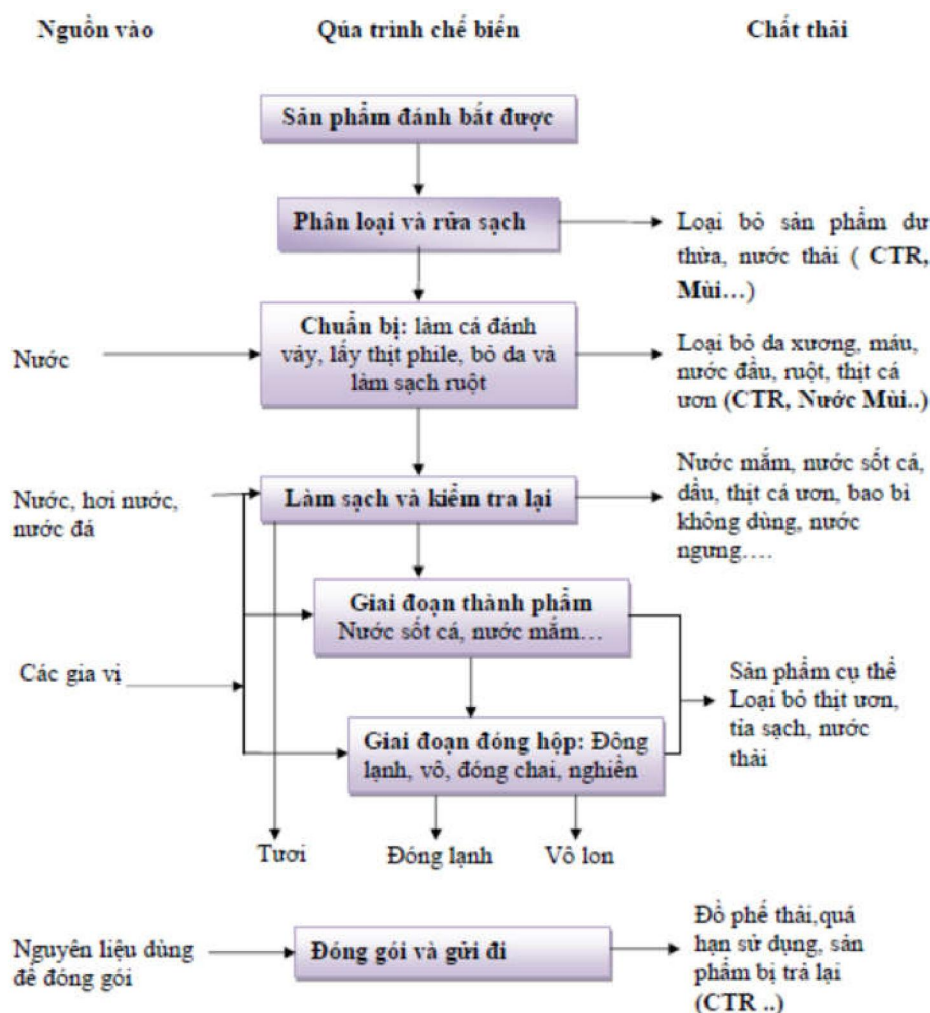
Thứ nhất, hoạt động chế biến thủy sản rất đa dạng và phức tạp

Sự đa dạng và phức tạp của hoạt động chế biến thủy sản có thể được biểu hiện dưới nhiều góc độ khác nhau. Dựa trên kỹ thuật chế biến thì hiện tại ngành công nghiệp chế biến thủy sản có rất nhiều loại sản phẩm là sản phẩm của nhiều kỹ thuật chế biến khác nhau. Phụ thuộc vào đặc trưng của từng loại sản phẩm, doanh nghiệp sẽ lựa chọn kỹ thuật phù hợp với sản phẩm của họ. Hiện nay, kỹ thuật chế biến đang được sử dụng phổ biến bao gồm:



Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản đông lạnh;
Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản đông hộp;
Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản khô;
Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản ăn liền;
Kỹ thuật chế biến nước mắm và mắm các loại.

Các kỹ thuật này khá phức tạp và đòi hỏi doanh nghiệp phải áp dụng một cách chính xác nhằm tạo ra các sản phẩm đạt yêu cầu. Tuy vậy, quá trình chế biến có thể được thể hiện chung nhất như sau:



(Nguồn: Công nghệ chế biến sản phẩm thủy sản tập 1 & 2 (1990), Nxb. Thủy sản)

Thứ hai, chất lượng sản phẩm là yêu cầu quan trọng trong mọi giai đoạn của quá trình chế biến

Từ bước đầu tiên của giai đoạn chế biến khi các nguyên liệu thô được lựa chọn tới bước cuối khi sản phẩm được đóng gói và gửi đến tay người tiêu dùng, nếu nguyên liệu thô hay sản phẩm hoàn chỉnh không đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng thì ngay lập tức sẽ bị loại bỏ. Chất lượng của nguyên liệu thô có vai trò quyết định đến chất lượng của sản phẩm



cuối cùng [2]. Vì vậy, chất lượng của sản phẩm thủy sản không chỉ cần được duy trì ở giai đoạn đánh bắt mà còn cả ở giai đoạn chế biến và sau đó. Mặt khác, cá và các sản phẩm thủy sản chịu ảnh hưởng lớn của các yếu tố mùa vụ và tự nhiên. Sản phẩm thủy sản đánh bắt hay tự nuôi trồng đều có mùa vụ sinh sản và phát triển, vì vậy nếu các nhân tố này không thuận lợi thì số lượng và chất lượng của sản phẩm sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu của hoạt động chế biến.

Thứ ba, quá trình chế biến thủy sản tác động mạnh đến môi trường

Cũng như mọi hoạt động sản xuất khác, trong quá trình chế biến thủy sản có tác động mạnh mẽ tới môi trường. Hàng loạt các vấn đề liên quan đến môi trường xảy ra trong quá trình chế biến như chất thải rắn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước đến ô nhiễm tiếng ồn [1].

Các chất thải rắn thải ra trong quá trình chế biến của các doanh nghiệp thủy sản rất đa dạng. Nó có thể là các phế thải từ nguyên liệu (cá, tôm, cua, mực...) được thải ra trong quá trình chế biến; hoặc giấy bao gói, túi PE, vỏ hộp được thải ra trong giai đoạn bao gói sản phẩm; tro, xỉ từ lò hơi cấp nhiệt; vỏ thùng, vỏ hộp, các thanh gỗ... thải ra trong quá trình sản xuất và phụ trợ. Tất cả các chất thải này nếu không được lưu trữ và vận chuyển đúng quy định sẽ phân hủy hoặc không thể phân hủy làm gia tăng nồng độ các chất dinh dưỡng, tạo ra các chất vô cơ, hữu cơ độc hại... làm ô nhiễm nguồn nước, gây hại cho hệ vi sinh của đất, các sinh vật thủy sinh trong nước hay tạo điều kiện cho vi khuẩn có hại, ruồi muỗi phát triển và là nguyên nhân gây các dịch bệnh ảnh hưởng đến con người.

Ô nhiễm không khí cũng là một vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp chế biến thủy sản. Do đặc thù công việc, các nguyên liệu đầu vào của quy trình chế biến thường có mùi hôi tanh, nhanh chóng bị phân hủy gây ô nhiễm môi trường không khí vùng làm việc và khu vực xung quanh các cơ sở chế biến thủy sản với phạm vi, mức độ ảnh hưởng khác nhau phụ thuộc vào trình độ trang bị công nghệ và các điều kiện vệ sinh công nghiệp.

Ô nhiễm bởi nước thải bao gồm nước thải trong quá trình sản xuất, nước thải trong quá trình vệ sinh nhà xưởng và nước thải sinh hoạt là một trong những vấn đề môi trường lớn nhất đối với doanh nghiệp chế biến thủy sản. Mức độ ô nhiễm của nước thải phụ thuộc vào các yếu tố như quy mô sản xuất, công nghệ sản xuất, giải pháp xử lý ô nhiễm nước thải tại các nhà máy chế biến.

Ô nhiễm tiếng ồn là một vấn đề hiện đang xảy ra tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản. Tiếng ồn được tạo ra trong quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, tiếng ồn từ các thiết bị làm lạnh hoặc máy phát điện dự phòng khi mất điện. Nếu lượng tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây những ảnh hưởng xấu đến môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động.

Cuối cùng, hoạt động chế biến thủy sản chịu ảnh hưởng lớn của quá trình toàn cầu hóa

Trong những thập kỷ gần đây, quá trình toàn cầu hóa ngày càng diễn ra phức tạp làm cho ngành chế biến thủy sản biến đổi theo hướng ngày càng năng động và đa dạng hơn. Vai trò của người tiêu dùng ngày càng được khẳng định, các kênh phân phối quốc tế được thiết lập thông qua sự phát triển của hệ thống các chuỗi siêu thị và các nhà bán lẻ lớn. Ngành chế



biển thủy sản đang dần trở nên chuyên sâu hơn, tập trung cả về mặt địa lý và sản phẩm mang tính đặc trưng. Quá trình liên kết diễn ra theo cả chiều dọc và cả chiều ngang hình thành chuỗi cung ứng toàn cầu. Liên minh giữa nhà sản xuất và nhà cung cấp được thiết lập đã thúc đẩy việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động và tăng khả năng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm tại các nước nhập khẩu. Hoạt động chế biến ở cấp khu vực và trên thế giới tăng đáng kể về số lượng các nước tham gia chế biến thủy sản mặc cho sự giới hạn về loài, hình thức sản phẩm, chi phí nhân công và chi phí vận chuyển. Hơn nữa, hoạt động chế biến thủy sản tại các nước đang phát triển bị giới hạn thêm bởi các yêu cầu khắt khe về vệ sinh, an toàn thực phẩm. Đây thật sự là một trở ngại lớn vì tại các nước đang phát triển vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và vấn đề trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất đối với xã hội (corporate social responsibility) chưa thật sự được coi trọng. Giá dầu tăng cao trong thời gian gần đây làm cho chi phí chế biến và vận chuyển tăng cao cũng là vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp chế biến thủy sản [8].

2.4 Vai trò của kiểm soát nội bộ theo định hướng phát triển Kinh tế xanh của các doanh nghiệp chế biến thủy sản

2.4.1 Các phương pháp và chính sách kiểm soát chủ yếu tập trung vào hoạt động kiểm soát chất lượng và kiểm soát việc ô nhiễm môi trường

Hiện nay, việc cam kết phát triển kinh tế thế giới theo hướng phát triển “Kinh tế xanh” là xu hướng chung toàn cầu. Có rất nhiều các tiêu chuẩn, chính sách đang được áp dụng để kiểm soát chất lượng và kiểm soát vấn đề ô nhiễm môi trường của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm nói chung và ngành công nghiệp chế biến thủy sản nói riêng.

Hệ thống HACCP “Hazard Analysis and Critical Control Point” - hệ thống phân tích mối nguy và xác định điểm kiểm soát tới hạn - là một trong những công cụ tốt nhất đảm bảo chất lượng sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường của các doanh nghiệp. Đây là một hệ thống văn bản, quan điểm kiểm tra để nhận biết các mối nguy, biện pháp phòng ngừa, điểm kiểm soát quan trọng và xây dựng một hệ thống giám sát chất lượng cần thiết cho doanh nghiệp. Việc áp dụng quy trình của hệ thống HACCP trong sản xuất cũng như được cấp chứng nhận phù hợp HACCP đặc biệt là với các doanh nghiệp chế biến thực phẩm sẽ giúp đem lại lòng tin cho khách hàng thông qua dấu hiệu chứng nhận. Đồng thời nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Một loạt các tiêu chuẩn trong hệ thống tiêu chuẩn đo lường ISO 9000:2008 đặc biệt là tiêu chuẩn đo lường ISO 9001:2008 hướng dẫn về các yêu cầu về quản lý chất lượng, tiêu chuẩn ISO 19011:2008 hướng dẫn việc đánh giá chất lượng và hệ thống kiểm soát môi trường. Ngoài ra, mỗi doanh nghiệp chế biến thủy sản, tùy thuộc vào đặc thù công nghệ chế biến, chuỗi chế biến thì các nhà quản lý sẽ xây dựng hệ thống chính sách, phương pháp quản lý chất lượng, quản lý ô nhiễm môi trường riêng phù hợp với doanh nghiệp mình. Các chính sách và phương pháp này có thể được áp dụng trong tất cả các giai đoạn từ giai đoạn đánh bắt đến giai đoạn phân phối, cung cấp sản phẩm, cũng có thể chỉ áp dụng trong giai đoạn chế biến. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô hoạt động chế biến của doanh nghiệp. Ngoài ra, doanh



ngành chế biến thủy sản còn phải tuân thủ các quy định của các quốc gia có quan hệ thương mại trong lĩnh vực thủy sản. Ví dụ: đối với Mỹ và một số nước Châu Âu thì các quy định về chất lượng sản phẩm và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong quá trình chế biến thủy sản được xem xét đặc biệt khi ký kết hợp đồng thương mại. Rất nhiều hợp đồng của doanh nghiệp chế biến thủy sản châu Á như Việt Nam, Philippine, Malaixia... bị hủy bỏ, bị ép giảm giá hoặc bị kiện cạnh tranh không bình đẳng do không áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường trong quá trình chế biến, hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu, hàm lượng thủy ngân và các vi chất không có lợi cho sức khỏe trong sản phẩm ở mức cao. Điều này gây thiệt hại rất lớn cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản.

Việc nghiên cứu xây dựng cũng như triển khai thực hiện, áp dụng các chính sách là chức năng cơ bản của hoạt động kiểm soát nội bộ. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản nếu duy trì một bộ máy kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả thì bộ máy kiểm soát này sẽ đảm bảo cho việc xây dựng, cũng như triển khai thực hiện các phương pháp, các chính sách quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường sản xuất nói riêng và môi trường nói chung một cách hợp lý và hữu hiệu. Đây cũng chính là cách mà hoạt động kiểm soát nội bộ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển theo hướng phát triển “kinh tế xanh” mang tính bền vững.

2.4.2 Kiểm soát và cung cấp thông tin phục vụ quá trình phát triển xanh trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản

Sự đa dạng của hoạt động chế biến thủy sản dẫn đến việc phát sinh một lượng lớn thông tin bao gồm cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính cần được xử lý và hạch toán. Các thông tin này sẽ được hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp bao gồm cả hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị xử lý và cung cấp. Với chức năng là một công cụ hữu hiệu của hoạt động kiểm soát nội bộ các thông tin cần phải đảm bảo tính có thật, tính đáng tin cậy và kịp thời nhằm phục vụ công tác điều hành chung của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế theo hướng kinh tế xanh thì việc nghiên cứu áp dụng phương pháp kỹ thuật hạch toán phù hợp là rất quan trọng. Vận dụng kế toán xanh trong công tác hạch toán kế toán là một giải pháp hợp lý để phát huy vai trò hoạt động kiểm soát nội bộ doanh nghiệp theo yêu cầu phát triển kinh tế xanh. Kế toán xanh ra đời nhằm mục đích kết nối hoạt động kinh doanh với hoạt động bảo vệ môi trường và hướng dẫn cách trình bày mối quan hệ này trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trên hệ thống báo cáo này bao gồm tất cả các thông tin về chi phí bên trong và bên ngoài chi cho các vấn đề về sức khỏe người lao động, khí thải và ô nhiễm khí thải, sự xuống cấp của tài nguyên môi trường. Đồng thời cũng chỉ rõ những lợi ích trong việc chi phí cho các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp được lượng hóa bằng thước đo giá trị. Những thông tin này có thể bao gồm các thông tin về hiệu quả của việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới làm giảm ô nhiễm và cải thiện sức khỏe người lao động [11]. Các thông tin này cũng có thể giúp cho nhà quản lý có thể cân nhắc trước khi đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến doanh nghiệp và xã hội, gợi ý các chính sách quản lý phù hợp để mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp.



3. KẾT LUẬN

Phát triển doanh nghiệp theo hướng phát triển xanh là một yêu cầu tất yếu và là sự đảm bảo cho phát triển bền vững đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp chế biến thủy sản nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Với chức năng là một công cụ quản lý, kiểm soát nội bộ cần phải phát huy vai trò trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến thủy sản phát triển kinh tế xanh theo hướng phát triển bền vững, mang lại hạnh phúc cho con người, công bằng xã hội, giảm thiểu rủi ro môi trường và khủng hoảng sinh thái trong khu vực. Thông qua việc xây dựng cũng như triển khai áp dụng hệ thống các phương pháp, các chính sách quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường một cách tập trung, hoặc lựa chọn kế toán xanh với tư cách là một phương pháp xử lý và cung cấp thông tin lượng hóa về các tác động của môi trường đến doanh nghiệp và ngược lại, kiểm soát nội bộ có vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp chế biến thủy sản theo hướng phát triển xanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ thủy sản (2000), *Báo cáo Cơ sở khoa học của việc xây dựng quy chế môi trường trong công nghiệp chế biến thủy sản*, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Lệ Diệu, (1997). *Nguyên liệu thủy sản*, Nxb. Nông nghiệp.
- [3] Nguyễn Thị Thu Phương (2012), *Phát triển cảng cá Lạch Bang - Hướng tới nền kinh tế xanh*, Tạp chí Kinh tế phát triển, số 182 (II), trang 75-79.
- [4] Nguyễn Thị Thu Phương (2013), *Một số vấn đề lý luận cơ bản về Kiểm soát nội bộ*, Tạp chí Công thương.
- [5] Canadian Institute of Chartered Accountants (1999), *Coco - Guidance on control*, Canadian Cataloguing in Publication Data.
- [6] Daphne Turner (2009), *Internal Audit Enviroment*, The Institute of Internal Auditor- UK and Ireland Ltd.
- [7] David Burningham, Jonh Davies, (1999), *Kinh tế xanh*, Nxb. Heinemann.
- [8] FAO, *CWP Handbook of Fishery Statistical Standards*, www.fao.org.
- [9] Laura F.S & Micheal.P (2003), *Risk Management: The reinvention of internal control and the changing role of internal control*, AAAJ Vol,16, No.4.
- [10] Madhunita Biswas, (2007), *Kinh tế môi trường*, Nxb. Mittal.
- [11] The European (2011), *Green Accounting as the path to a Sustainable Future*, <http://www.greenbiz.com/blog/2011/04/27/green-accounting-path-sustainable-future?page=0%2C0> (Tham khảo ngày 12/07/2012).
- [12] www.aicpa.org
- [13] www.ifac.org
- [14] www.iig.com.uk



INTERNAL CONTROL OF SEAFOOD PROCESSING ENTERPRISES IN THE CONTEXT OF GREEN ECOCOMIC

Nguyen Thi Thu Phuong

ABSTRACT

This paper studies fundamental theoretical issues on green economy and internal control and clarifies the basic characteristics of seafood processing enterprises. Based on that, it shows the characteristics of internal control in seafood processing enterprises and clarifies the role of internal control in promoting the development of the fisheries sector in the direction of green and sustainable development.

Keywords: *Green economy, internal control, seafood processing enterprises.*